

Số: 18/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 06/3/2023
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Nguyễn Chung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 656/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023; thông báo về việc dời ngày xét xử số 155/2023/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Hoài H – sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã N, tỉnh Kh
Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Lưu Thành T – sinh năm 1979

Nơi cư trú: Tổ dân P, phường N, thị xã N.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 26/8/2022, bản tự khai ngày 19/12/2022, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Hoài H trình bày:

Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Hiệp, thị xã N. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi nhau do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, ông T thường xuyên nhậu nhẹt say sưa, gây sự vô cớ đánh đập, xúc

phạm bà H và không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, ông T còn chơi cờ bạc gây nợ nần bà H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà H và ông T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông T không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Thành T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Lưu Huỳnh Khải M, sinh ngày 08/3/2019. Từ khi bà H và ông T không còn chung sống cùng nhau, bà H và cháu M đã đi về sống cùng ba của bà H tại Tổ dân phố 2, phường Ninh Hiệp, thị xã N, bà H có công việc, thu nhập ổn định nên bà đề nghị Tòa án khi giải quyết cho bà ly hôn với ông T thì giao cháu M cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T thì thường xuyên đánh bài bạc, không có chỗ ở, không có thu nhập ổn định nên không có điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu M.

Tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định bà H và ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Lưu Thành T trình bày: Ông T đồng ý với lời trình bày của bà H về vấn đề kết hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung. Ông T thừa nhận là trong quá trình chung sống giữa ông T và bà H có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi nhau có một lần ông đánh bà H do bức tức nên bà H xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Lưu Huỳnh Khải M, sinh ngày 08/3/2019, hiện nay đang ở với bà H. Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M vì bà H chăm sóc cháu M không tốt bằng ông, đồng thời ông làm nghề nhôm, kính, sẵn có thể chủ động thời gian đưa và đón cháu M đi học và ông có kinh tế ổn định là thu nhập mỗi tháng 25.000.000đồng trở lên nên có điều kiện chăm sóc tốt cho cháu M.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định ông T và bà H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lưu Huỳnh Khải M, sinh ngày 08/3/2019 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản

chung, nợ chung bà H, ông T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Hoài H khởi kiện bị đơn ông Lưu Thành T có địa chỉ tại tổ dân phố Thanh Châu, phường Ninh Giang, thị xã N về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường Ninh Hiệp, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2020 cấp ngày 06/5/2020. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Huỳnh Hoài H và bị đơn là ông Lưu Thành T, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và ông T có lần đánh bà H và hai bên không thể tự hòa giải để giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 8/2022, bà H đã dẫn con ra ở riêng, sống ly thân với ông T. Tại phiên tòa, bà H khai giữa bà và T không còn tình cảm vợ chồng và cương quyết xin được ly hôn với ông T. Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2023 và tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T.

[3] Về con chung: Giữa bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T có 01 con chung là **Lưu Huỳnh Khải M, sinh ngày 08/3/2019**. Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2023 và tại phiên tòa, bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Ông T trình bày trước đây cháu M ở cùng ông T và bà H và được ông T, bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng quá trình chăm sóc cháu M thì bà H chăm sóc cháu M không tốt bằng ông T. Bản thân ông T làm nghề cắt kính, nhôm, sắt, trang trí nội thất nên có thời gian và thu nhập ổn định mỗi tháng từ 25.000.000đồng trở lên. Tuy nhiên, do ông T tự nhận công trình để tự làm nên không có tài liệu, chứng cứ để chứng M thu nhập. Ông cũng trình bày, trường hợp Tòa án giao cháu M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng thì ông T sẽ đưa cháu M vào Bình Dương thuê nhà ở, nhận công trình để làm và chăm sóc cho cháu M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu M đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời điều kiện về mọi mặt, thời gian, chỗ ở cũng như kinh tế của bà H đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu M và cháu M còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của bà H. Trong khi đó ông T trình bày có thu nhập ổn định mỗi tháng 25.000.000đồng trở lên nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng M ông T có điều kiện về kinh tế để chăm sóc cháu M và ông T

cũng đang phải thuê nhà để ở. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của cháu M có cuộc sống ổn định, đảm bảo nên tiếp tục giao cháu M cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Hoài H không yêu cầu ông Lưu Thành T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[6] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T thuận tình ly hôn, đồng thời bà Huỳnh Hoài H tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên bà H phải chịu 150.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 143, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoài H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Hoài H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là **Lưu Huỳnh Khải M, sinh ngày 08/3/2019** đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành Tung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Bà Huỳnh Hoài H và ông Lưu Thành T mỗi người phải nộp 75.000đồng án phí. Bà H tự nguyện nộp thay án phí cho ông T nên bà H phải nộp 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/000 5164 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà Hoàn lại cho bà H 150.000đồng án phí hôn nhân và gia đình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã N, thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy